

CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	Năng lực tài chính			
1	Biên khả năng thanh toán: Biên khả năng thanh toán tính đến ngày 31/12/2024 không được thấp hơn biên khả năng thanh toán tối thiểu theo quy định hiện hành. <i>Trường hợp liên danh thì từng thành viên trong liên danh phải thỏa mãn nội dung này.</i>	Nhà thầu thỏa mãn yêu cầu này		Nhà thầu không thỏa mãn yêu cầu này
2	Quỹ dự phòng nghiệp vụ: Quỹ dự phòng nghiệp vụ tính đến ngày 31/12/2024 tối thiểu bằng giá trị tài sản bảo hiểm của dự án này là: 9.500.661.922 đồng. <i>Trường hợp liên danh thì được tính của tổng các thành viên Liên danh</i>	Nhà thầu phải thỏa mãn yêu cầu này.		Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu này.
3	Vốn chủ sở hữu: Nguồn vốn chủ sở hữu của Nhà thầu tính đến ngày	Nhà thầu phải thỏa mãn yêu cầu này.		Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu này.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	31/12/2024 tối thiểu là 300 tỷ đồng. <i>Trường hợp liên danh thì được tính của tổng các thành viên Liên danh</i>			
B	Phạm vi bảo hiểm			
1	Thời hạn bảo hiểm	Bao gồm thời hạn bảo hiểm được nêu tại Mục II.2 Chương V Phần thứ hai của E-HSMT.		Không bao gồm một phần hoặc toàn bộ yêu cầu về thời hạn bảo hiểm nêu tại Mục II.2 Chương V Phần thứ hai của E-HSMT.
2	Phạm vi bảo hiểm	Như Điểm 8, Mục II.2 Chương V Phần 2 của E-HSMT		Không đầy đủ như Điểm 8, Mục II.2 Chương V Phần 2 của E-HSMT
3	Nội dung Bản chào phí bảo hiểm	- Có Bản chào phí có nêu đầy đủ các nội dung bảo hiểm như các điểm từ 1 đến 12 thuộc Mục II.2 Yêu cầu về bảo hiểm, Chương V Phần 2 của E-HSMT.		- Không có Bản chào phí bảo hiểm, hoặc có Bản chào phí nhưng không đầy đủ những nội dung như các điểm từ 1 đến 12 thuộc Mục II.2

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		<p>- Trường hợp sử dụng tái tạm thời:</p> <p>+ Điều kiện, điều khoản, giới hạn trách nhiệm, quy tắc, mức khấu trừ nhà thầu chào không được sai khác so với nhà tái bảo hiểm chào.</p> <p>+ Phí bảo hiểm nhà thầu chào không được thấp hơn phí bảo hiểm nhà tái bảo hiểm chào.</p> <p><i>(Nhà thầu phải nộp bản gốc hoặc bản chụp có chứng thực hoặc công chứng hợp lệ trong giai đoạn thương thảo hợp đồng).</i></p>		<p>Yêu cầu về bảo hiểm, Chương V Phần 2 của E-HSMT.</p> <p>- Trường hợp sử dụng tái tạm thời:</p> <p>+ Có khác biệt trong Điều kiện, điều khoản, giới hạn trách nhiệm nhà thầu chào so với nhà tái bảo hiểm chào.</p> <p>+ Phí bảo hiểm nhà thầu chào thấp hơn phí bảo hiểm nhà tái bảo hiểm chào.</p>
4	Phí bảo hiểm (có bao gồm phụ phí bảo hiểm cho rủi ro lũ lụt, bão và rủi ro động đất, lún sụt, phí cho các điều khoản bổ sung và toàn bộ các khoản phí, phụ phí liên	Nhà thầu thỏa mãn yêu cầu này		Nhà thầu không thỏa mãn yêu cầu này không

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	quan (nếu có)). Phải tuân thủ quy định của Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023			
5	Giá dự thầu	Giá dự thầu đã bao gồm thuế VAT và các phí, lệ phí liên quan và tuân thủ quy định của Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023		Giá dự thầu không bao gồm thuế VAT và các phí, lệ phí liên quan và không tuân thủ quy định của Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023,
6	Mức khấu trừ	Phần 1: Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng. Theo quy định tại Chương V của E-HSMT		Phần 1: Bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng. Cao hơn mức khấu trừ Theo quy định tại Chương V của E-HSMT.
C	Chương trình tái bảo hiểm:			

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình tái bảo hiểm - Có bảng tổng hợp chương trình tái bảo hiểm cho 100% mức trách nhiệm của gói thầu, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Liệt kê chi tiết tên của nhà tái bảo hiểm đứng đầu và các nhà tái bảo hiểm khác được thu xếp cho gói thầu; + Nêu tỷ lệ nhận tái bảo hiểm và mức xếp hạng tín nhiệm của từng nhà tái bảo hiểm; + Nêu tỷ lệ giữ lại của nhà thầu; + Thu xếp đủ 100% mức trách nhiệm của gói thầu. - Nhà thầu phải cung cấp Bảng xếp hạng tín nhiệm tài chính của các nhà tái bảo hiểm theo Standard & Poor's hoặc A.M.Best hoặc các kết quả xếp hạng khác tương đương tại năm tài chính gần nhất. 	Có đầy đủ theo yêu cầu		Không có hoặc có nhưng không đầy đủ theo yêu cầu
2	<p>Xác nhận tái bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Sử dụng hợp đồng tái bảo hiểm cố định: Có bản thỏa thuận/hợp đồng 	Có đầy đủ theo yêu cầu		

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>tái bảo hiểm cố định của Nhà thầu với các nhà tái bảo hiểm nhận tái (bản chụp có chứng thực hoặc công chứng hợp lệ) hoặc bản xác nhận hợp đồng của các nhà tái bảo hiểm (bản gốc/bản chụp có chứng thực hoặc công chứng hợp lệ). Trường hợp liên danh thì mỗi thành viên liên danh đều phải cung cấp thỏa thuận/hợp đồng hoặc bản xác nhận hợp đồng như nêu trên.</p> <p>- Sử dụng tái bảo hiểm tạm thời: Có bản chào tái bảo hiểm của nhà tái bảo hiểm đứng đầu như (nộp Bản scan bản gốc/ bản chụp có chứng thực hoặc công chứng hợp lệ. Nhà thầu phải cung cấp bản gốc để đối chiếu trong giai đoạn thương thảo hợp đồng). Hiệu lực của bản chào tái: tối thiểu bằng hiệu lực của E-HSDT.</p> <p>- Các điều kiện, điều khoản, phí bảo hiểm, giới hạn trách nhiệm, quy tắc, mức khấu trừ nhà thầu chào không</p>			Không có hoặc có nhưng không đầy đủ theo yêu cầu

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<p>được sai khác và/hoặc cao hơn so với nhà tái bảo hiểm chào.</p> <p>Ghi chú: Đối với các công trình xây dựng có giá trị từ một nghìn (1000) tỷ đồng trở lên, doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm có thể thỏa thuận quy tắc, điều khoản, phí bảo hiểm và mức khấu trừ trên cơ sở bằng chứng chứng minh doanh nghiệp đứng đầu nhận tái bảo hiểm xác nhận nhận tái bảo hiểm theo đúng quy tắc, điều khoản, phí bảo hiểm và mức khấu trừ mà doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp cho bên mua bảo hiểm.</p>			
3	Xếp hạng Nhà tái bảo hiểm đứng đầu và doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm nước ngoài nhận tái bảo hiểm từ 10% tổng mức trách nhiệm của mỗi hợp đồng tái bảo hiểm.	Xếp hạng tối thiểu “BBB” theo Standard & Poor’s hoặc Fitch, “B++” theo A.M.Best, “Baal” theo Moody’s hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng, kinh nghiệm xếp hạng khác tại năm tài chính gần nhất so với		Xếp hạng dưới mức “BBB” theo Standard & Poor’s hoặc Fitch, “B++” theo A.M.Best, “Baal” theo Moody’s hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		thời điểm giao kết hợp đồng tái bảo hiểm.		tổ chức có chức năng, kinh nghiệm xếp hạng khác tại năm tài chính gần nhất so với thời điểm giao kết hợp đồng tái bảo hiểm
4	Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm và tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài phải đáp ứng điều kiện triển khai bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm.	Đáp ứng theo yêu cầu		Không đáp ứng theo yêu cầu
5	Mức giữ lại của nhà thầu	Nhà thầu giữ lại \leq 10 % vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 31/12/2024 Trường hợp liên danh, mức giữ lại của liên danh \leq 10% tổng vốn chủ sở hữu (CSH) của các thành viên liên danh tại thời điểm		Nhà thầu giữ lại $>$ 10 % vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 31/12/2024 Trường hợp liên danh, mức giữ lại của liên danh

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		ngày 31/12/2024 (Mỗi thành viên liên danh phải đáp ứng mức giữ lại trong phạm vi số tiền bảo hiểm mà thành viên này đảm nhận trong liên danh mà không vượt quá 10 % vốn CSH của mình).		>10 % tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh tại thời điểm ngày 31/12/2024 (Một trong các thành viên liên danh không thu xếp đủ số tiền bảo hiểm mà thành viên này được đảm nhận trong liên danh và/hoặc vượt quá 10 % vốn CSH của mình).
<u>Ghi chú:</u> - Trong trường hợp nhà thầu giữ lại 100% giá trị tài sản bảo hiểm công trình nhà thầu không cần kê khai nội dung tại các điểm 1,2,3,4 thuộc Mục C. Chương trình tái bảo hiểm nêu trên nhưng kèm theo thuyết minh cụ thể về chương trình thu xếp giữ lại của mình cho gói thầu.				
D	Quy trình tổ chức thực hiện gói thầu, phương thức, thủ tục, thời hạn giải quyết bồi thường			
	Quy trình tổ chức thực hiện gói thầu, phương thức, thủ	Có đầy đủ theo yêu		Không có hoặc có nhưng không

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	tục, thời hạn giải quyết bồi thường: - Quy trình rõ ràng, phù hợp với yêu cầu gói thầu. - Sơ đồ thể hiện quy trình. - Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các bên liên quan: Người mua bảo hiểm (Người được bảo hiểm) – Công ty môi giới bảo hiểm – Công ty bảo hiểm – Công ty giám định độc lập.	câu		đầy đủ theo yêu cầu
2	Bản hướng dẫn phương thức, biểu mẫu, hồ sơ thủ tục giải quyết khiếu nại, đòi bồi thường cho khách hàng (liên quan đến quá trình giải quyết bồi thường bảo hiểm).	Có đề xuất đầy đủ		Không có đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không đầy đủ các nội dung yêu cầu
3	Thời hạn giải quyết bồi thường kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị bồi thường đầy đủ và hợp lệ.	≤ 30 ngày		> 30 ngày
4	Đề xuất công ty giám định độc lập có uy tín, năng lực phù hợp với yêu cầu của gói thầu.	≥ 03 Công ty giám định độc lập		< 03 công ty giám định độc lập
Kết luận		Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chuẩn nêu trên được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn trên thì được đánh giá là không đạt và		

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
		không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.		

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

Giá dự thầu của nhà thầu được tính theo mức phí bảo hiểm tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023. Trường hợp giá dự thầu của nhà thầu chào không tuân thủ quy định trong các Nghị định này thì nhà thầu được đánh giá là không đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá về tài chính và bị loại.

Giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) sẽ được Tổ chuyên gia xác định tối đa 4 số thập phân sau dấu phẩy. Trường hợp có sự chênh lệch giá dự thầu giữa các Nhà thầu do việc làm tròn số, Tổ chuyên gia không xem xét phần chênh lệch này mà coi như giá dự thầu là bằng nhau.

Sau khi xác định giá thấp nhất theo các Bước trên và áp dụng tiếp nội dung xử lý tình huống trong đấu thầu theo Khoản 18, Điều 140, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, trường hợp có 02 nhà thầu trở lên có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) bằng nhau thì việc xếp hạng nhà thầu được tính trên cơ sở *(do pháp luật về đấu thầu không quy định chi tiết về các tiêu chí ưu tiên trong trường hợp này, nên Chủ đầu tư sẽ đưa ra tiêu chí xác định đảm bảo nguyên tắc*

minh bạch, cạnh tranh):

Nhà thầu nào đáp ứng chỉ tiêu nêu dưới đây cao hơn thì được xếp thứ nhất:

Thứ tự ưu tiên:

(i) Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm bình quân hàng năm trong vòng 03 năm (năm 2022; 2023; 2024);

(ii) Quỹ dự phòng nghiệp vụ tính đến thời điểm 31/12/2024;

(iii) Vốn chủ sở hữu tính đến thời điểm 31/12/2024.

Khi xác định được nhà thầu xếp thứ nhất thì dừng lại không xét đến các chỉ tiêu tiếp theo.

(Trường hợp nhà thầu liên danh thì được tính của tổng các thành viên Liên danh)